

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2020
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 339/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1967 (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2019, bà Võ Thị L trình bày:* Vào năm 1988 ông bà được cha mẹ hai bên tổ chức lễ thành hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi thành hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 05 đứa con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, không quan tâm vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh giải quyết các vấn đề sau: Về hôn nhân bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Về con chung có 05 con chung tên Nguyễn Thị Nguyên, sinh năm 1989; Nguyễn Văn Lành, sinh năm 1991; Nguyễn Văn Hậu, sinh năm 1994; Nguyễn Văn Giang, sinh năm 1995; Nguyễn Thị My, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và đã có gia đình

riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với ông Nguyễn Văn T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bà L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông T không được pháp luật bảo vệ. Xét thấy hôn nhân giữa bà L với ông T có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân vi phạm về mặt hình thức nên bà L và ông T không được công nhận quan hệ là vợ chồng.

Về con chung: Bà L xác định các con chung đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, các người con chung của bà L với ông T đã trưởng thành và bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, ông T không có ý kiến đối với tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm bà L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 14, 51, 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị L với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng, ngày 03 tháng 12 năm 2019 bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004707 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện việc kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Hận